

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

MÔN: **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 9** – Kỳ kiểm tra Giữa Học kì I – Thời gian làm bài: 60 phút

NĂM HỌC: 2026-2027

1. KHUNG MA TRẬN

| STT | Nội dung          | Đơn vị kiến thức                                                                  | Tổng số câu                    |           |          |                            |                 |             | Tổng số câu |    | Điểm số |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------|----------|----------------------------|-----------------|-------------|-------------|----|---------|
|     |                   |                                                                                   | PHẦN I<br>(Trắc nghiệm 16 câu) |           |          | PHẦN II<br>(Tự luận 4 câu) |                 |             |             |    |         |
|     |                   |                                                                                   | Biết                           | Hiểu      | Vận dụng | Biết                       | Hiểu            | Vận dụng    | TL          | TN | Tổng    |
| 1   | 2                 | 3                                                                                 | 4                              | 5         | 6        | 7                          | 8               | 9           | 10          | 11 | 12      |
| 1   | MỞ ĐẦU            | Bài 1. Nhận biết một số dụng cụ, hóa chất.<br>Thuyết trình một số vấn đề khoa học | 1<br>(C1)                      |           |          |                            |                 |             |             | 1  | 0,25    |
| 2   | NĂNG LƯỢNG CƠ HỌC | Bài 2. Động năng. Thế năng                                                        | 1<br>(C2)                      |           |          | 1<br>(TLC1 a,b)            |                 |             | 1           | 1  | 1,25    |
|     |                   | Bài 3. Cơ năng                                                                    | 1<br>(C3)                      |           |          |                            |                 |             |             | 1  | 0,25    |
|     |                   | Bài 4. Công và công suất                                                          | 1<br>(C4)                      |           |          |                            |                 | 1<br>(TLC2) | 1           | 1  | 1,25    |
| 3   | ÁNG SÁNG          | Bài 5. Khúc xạ ánh sáng                                                           | 1<br>(C5)                      | 1<br>(C6) |          |                            |                 |             |             | 2  | 0,5     |
|     |                   | Bài 6. Phản xạ toàn phần                                                          | 1<br>(C7)                      | 1<br>(C8) |          |                            | 0,5<br>(TLC3 a) |             | 0,5         | 2  | 1,5     |
|     |                   | Bài 7. Lăng kính                                                                  | 1<br>(C9)                      | 1 ( C10)  |          |                            |                 |             |             | 2  | 0,5     |

| STT | Nội dung | Đơn vị kiến thức        | Tổng số câu                    |      |          |                            |                |          | Tổng số câu |          | Điểm số     |
|-----|----------|-------------------------|--------------------------------|------|----------|----------------------------|----------------|----------|-------------|----------|-------------|
|     |          |                         | PHẦN I<br>(Trắc nghiệm 16 câu) |      |          | PHẦN II<br>(Tự luận 4 câu) |                |          |             |          |             |
|     |          |                         | Biết                           | Hiểu | Vận dụng | Biết                       | Hiểu           | Vận dụng | TL          | TN       | Tổng        |
| 1   | 2        | 3                       | 4                              | 5    | 6        | 7                          | 8              | 9        | 10          | 11       | 12          |
|     |          | <b>Bài 8.</b> Thấu kính | 1<br>(C11)                     |      |          |                            | 0,5(TL<br>C3b) |          | 0,5         | <b>1</b> | <b>1,25</b> |

|          |                                     |                                                           |                 |            |  |                 |            |                 |                |            |                |
|----------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|------------|--|-----------------|------------|-----------------|----------------|------------|----------------|
|          |                                     | <b>Bài 10.</b> Kính lúp. Bài tập thấu kính                | 1<br>(C12)      | 1<br>(C13) |  |                 |            |                 |                | <b>2</b>   | <b>0,5</b>     |
| <b>4</b> | <b>ĐIỆN</b>                         | <b>Bài 11.</b> Điện trở định luật OHM                     | 1<br>(C14)      |            |  |                 |            | 1(TLC<br>4a,b)  | 1              | <b>1</b>   | <b>1,25</b>    |
|          |                                     | <b>Bài 12.</b> Đoạn mạch nối tiếp, song song              | 1<br>(C15)      |            |  |                 |            | 1*(TL<br>C5a,b) | 1              | <b>1</b>   | <b>1,25</b>    |
|          |                                     | <b>Bài 13.</b> Năng lượng của dòng điện và công suất điện | 1<br>(C16)      |            |  |                 |            |                 |                | <b>1</b>   | <b>0,25</b>    |
| <b>5</b> | <b>Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)</b> |                                                           | <b>12</b>       | <b>4</b>   |  | <b>1 TL</b>     | <b>1TL</b> | <b>3 TL</b>     | <b>5</b>       | <b>16</b>  |                |
| <b>6</b> | <b>Điểm số</b>                      |                                                           | <b>3,0</b>      | <b>1,0</b> |  | <b>1,0</b>      | <b>2,0</b> | <b>3,0</b>      | <b>6,0</b>     | <b>4,0</b> | <b>10,0</b>    |
| <b>7</b> | <b>Tổng số điểm</b>                 |                                                           | <b>4,0 điểm</b> |            |  | <b>6,0 điểm</b> |            |                 | <b>10 điểm</b> |            | <b>10 điểm</b> |

**Ghi chú:**

Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi

+ **Phần 1:** 16 câu Trắc nghiệm – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 4 câu Tự Luận – 6,0 điểm

## 2. BẢN ĐẶC TẢ

| TT | Nội dung          | Đơn vị kiến thức                                                                      | Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |            |
|----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|------------|
|    |                   |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng   |
| 1  | MỞ ĐẦU            | <b>Bài 1.</b> Nhận biết một số dụng cụ, hóa chất. Thuyết trình một số vấn đề khoa học | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong môn Khoa học tự nhiên 9.<br>- Trình bày được các bước viết và trình bày báo cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1 TN                             |            |            |
| 2  | NĂNG LƯỢNG CƠ HỌC | <b>Bài 2.</b> Động năng. Thế năng                                                     | <b>Nhận biết:</b><br>- Viết được biểu thức tính động năng của vật.<br>- Viết được biểu thức tính thế năng của vật ở gần mặt đất.<br>- Nêu được tên gọi, đơn vị của các đại lượng trong biểu thức tính động năng của vật.<br>- Nêu được tên gọi, đơn vị của các đại lượng trong biểu thức tính thế năng của vật ở gần mặt đất.<br>- Nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến động năng, thế năng trọng trường.<br>- Xác định được trường hợp nào vật có thế năng, vật có động năng trong một số trường hợp cụ thể.<br>- Động năng phụ thuộc vào khối lượng và tốc độ của vật.<br>- Thế năng phụ thuộc khối lượng và độ cao của vật. | 1 TN<br><b>1TL</b>               |            |            |
|    |                   | <b>Bài 3.</b> Cơ năng                                                                 | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được cơ năng là tổng động năng và thế năng của vật.<br>- Viết được biểu thức tính cơ năng<br>- Nêu được tên gọi, đơn vị của các đại lượng trong biểu thức tính cơ năng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1 TN                             |            |            |
|    |                   | <b>Bài 4.</b> Công và công suất                                                       | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được công có giá trị bằng lực nhân với quãng đường dịch chuyển theo hướng của lực.<br>- Nêu được công suất là tốc độ thực hiện công.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Tính được công trong một số trường hợp đơn giản.<br>- Tính được công suất trong một số trường hợp đơn giản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1 TN                             |            | <b>1TL</b> |

|   |          |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |             |  |
|---|----------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------|--|
| 3 | ÁNG SÁNG | <b>Bài 5. Khúc xạ ánh sáng</b>  | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tia sáng có thể bị khúc xạ (bị lệch khỏi phương truyền ban đầu) khi truyền từ môi trường này sang môi trường khác.</li> <li>- Nêu được chiết suất có giá trị bằng tỉ số tốc độ ánh sáng trong không khí (hoặc chân không) với tốc độ ánh sáng trong môi trường.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được các trường hợp xảy ra khúc xạ trong một số trường hợp cụ thể.</li> <li>- Phân tích được một số hiện tượng thực tế về khúc xạ.</li> </ul>                                                                                                  | 1 TN | 1TN         |  |
|   |          | <b>Bài 6. Phản xạ toàn phần</b> | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được định nghĩa hiện tượng phản xạ toàn phần.</li> <li>- Nêu được điều kiện xảy ra hiện tượng phản xạ toàn phần.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được các trường hợp xảy ra phản xạ toàn phần trong một số trường hợp cụ thể.</li> <li>- Phân tích được một số hiện tượng thực tế về phản xạ toàn phần.</li> <li>- Trình bày được bằng ngôn ngữ cá nhân về hiện tượng</li> <li>- Trình bày hiện tượng hợp lí theo thực tế</li> </ul>                                                                                                                | 1 TN | 1TN<br>½ TL |  |
|   |          | <b>Bài 7. Lăng kính</b>         | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cấu tạo lăng kính, chất liệu làm lăng kính.</li> <li>- Nêu được quang phổ của ánh sáng trắng qua lăng kính.</li> <li>- Nhận biết nguồn ánh sáng trắng, ánh sáng màu.</li> <li>- Nêu được khái niệm về ánh sáng màu.</li> <li>- Nêu được màu sắc của một vật được nhìn thấy phụ thuộc vào màu sắc của ánh sáng bị vật đó hấp thụ và phản xạ.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt hiện tượng khi chiếu ánh sáng trắng (ánh sáng Mặt Trời) và ánh sáng đơn sắc qua lăng kính.</li> <li>- Trình bày đặc điểm của tia sáng đi qua lăng kính.</li> </ul> | 1 TN | 1TN         |  |
|   |          | <b>Bài 8. Thấu kính</b>         | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm quang tâm, trục chính, tiêu điểm chính và tiêu cự của thấu kính.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét ảnh của vật qua thấu kính.</li> <li>- Vẽ được ảnh của một vật qua thấu kính.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1 TN | ½ TL        |  |

|          |             |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |             |                   |
|----------|-------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------------|
|          |             | <b>Bài 10.</b> Kính lúp. Bài tập thấu kính   | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cấu tạo, công dụng của kính lúp.</li> <li>- Nhận diện được số bội giác của kính lúp.</li> <li>- Nêu được cách quan sát một vật nhỏ qua kính lúp.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được số bội giác và tiêu cự của kính lúp.</li> <li>- Phân tích được tính chất ảnh của vật tạo bởi kính lúp.</li> <li>- Giải thích được ý nghĩa của số bội giác.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>1 TN</b> | <b>1 TN</b> |                   |
| <b>4</b> | <b>ĐIỆN</b> | <b>Bài 11.</b> Điện trở, Định luật OHM       | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm điện trở và đơn vị đo điện trở.</li> <li>- Nêu được công thức tính điện trở.</li> <li>- Phát biểu được định luật Ohm.</li> <li>- Nhận biết được các đại lượng U, I, R và đơn vị của chúng.</li> <li>- Nhận biết được mối quan hệ giữa cường độ dòng điện, hiệu điện thế và điện trở.</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được định luật Ohm để tính U, I, R trong các trường hợp đơn giản.</li> <li>- Giải quyết được các bài toán thực tế liên quan đến điện trở và định luật Ohm.</li> <li>- Xác định được đại lượng chưa biết trong mạch điện khi biết hai trong ba đại lượng U, I, R.</li> </ul>                                                                                                                   | <b>1 TN</b> |             | <b>1(TLa,b)</b>   |
|          |             | <b>Bài 12.</b> Đoạn mạch nối tiếp, song song | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được đặc điểm của đoạn mạch nối tiếp và mạch song song.</li> <li>- Nêu được các hệ thức về cường độ dòng điện trong đoạn mạch nối tiếp và song song.</li> <li>- Nêu được công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch nối tiếp và đoạn mạch song song.</li> <li>- Nhận biết được sơ đồ đoạn mạch nối tiếp và song song.</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng các công thức để tính điện trở tương đương của đoạn mạch nối tiếp, song song.</li> <li>- Tính được cường độ dòng điện, hiệu điện thế trong các đoạn mạch.</li> <li>- Giải được các bài toán thực tế liên quan đến đoạn mạch nối tiếp và song song.</li> <li>- Vận dụng kiến thức lựa chọn cách mắc các thiết bị điện phù hợp với yêu cầu cho trước.</li> </ul> | <b>1TN</b>  |             | <b>1*(TL a,b)</b> |

|             |                    |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |              |             |             |
|-------------|--------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|-------------|
|             |                    | <b>Bài 13.</b> Năng lượng của dòng điện và công suất điện | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được dòng điện có năng lượng.<br>- Nêu được khái niệm công suất điện.<br>- Nhận biết được các đại lượng trong công thức tính năng lượng điện và công suất điện.<br>- Nêu được đơn vị của năng lượng điện và công suất điện.<br>- Nhận biết được ý nghĩa các số liệu ghi trên thiết bị điện. | <b>1TN</b>   |             |             |
| <b>TỔNG</b> | <b>Trắc nghiệm</b> |                                                           | <b>Số câu: 16 câu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>12 TN</b> | <b>4 TN</b> |             |
|             |                    |                                                           | Số điểm: 4,0 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0 điểm     | 1,0 điểm    |             |
|             | <b>Tự luận</b>     |                                                           | <b>Số câu: 05 câu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>1 TL</b>  | <b>1 TL</b> | <b>3 TL</b> |
|             |                    |                                                           | Số điểm: 6,0 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1,0 điểm     | 2,0 điểm    | 3,0 điểm    |
|             |                    |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>40%</b>   | <b>30%</b>  | <b>30%</b>  |

**TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT**  
**NGÔ THỜI NHIỆM**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**  
**NĂM HỌC 2026 – 2027**  
**MÔN GDCD – KHỐI 9**

*Thời gian làm bài: 45 phút*

| STT       | NỘI DUNG KIẾN THỨC | ĐƠN VỊ KIẾN THỨC                                 | CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC |      |            |      |          |      |              |      | Tổng số câu          | Tổng điểm | Ghi chú |
|-----------|--------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|------|------------|------|----------|------|--------------|------|----------------------|-----------|---------|
|           |                    |                                                  | NHẬN BIẾT                     |      | THÔNG HIỂU |      | VẬN DỤNG |      | VẬN DỤNG CAO |      |                      |           |         |
|           |                    |                                                  | CH                            | Điểm | CH         | Điểm | CH       | Điểm | CH           | Điểm | TN+TL                |           |         |
| 1         | Giáo dục đạo đức   | Bài 1. Sống có lý tưởng                          | 4 TN                          | 1,0  | 1TL        | 3,0  |          |      |              |      | 4 câu TN<br>1 câu TL | 4,0       |         |
| 2         | Giáo dục đạo đức   | Bài 2. Khoan dung                                | 4 TN<br>1TL                   | 2,0  |            |      | 1TL      | 2,0  |              |      | 4 câu TN<br>2 câu TL | 4,0       |         |
| 3         | Giáo dục đạo đức   | Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng | 4 TN                          | 1,0  |            |      |          |      | 1TL          | 1,0  | 4 câu TN<br>1 câu TL | 2,0       |         |
| TỔNG      |                    |                                                  | 12TN<br>1TL                   |      | 1TL        |      | 1TL      |      | 1TL          |      | 12TN+4TL             | 10        |         |
| Tỉ lệ     |                    |                                                  | 40%                           |      | 30%        |      | 20%      |      | 10%          |      | 100%                 |           |         |
| TỔNG ĐIỂM |                    |                                                  | 4,0 điểm                      |      | 3,0 điểm   |      | 2,0 điểm |      | 1,0 điểm     |      | 10 điểm              |           |         |

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT  
NGÔ THỜI NHIỆM

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I  
NĂM HỌC 2026 – 2027  
MÔN GDCD – **KHỐI 9**  
Thời gian làm bài: 45 phút

| STT | NỘI DUNG KIẾN THỨC | ĐƠN VỊ KIẾN THỨC                                 | Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                | Số câu hỏi<br>theo mức độ nhận thức |            |          |              |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------|----------|--------------|
|     |                    |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nhận biết                           | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1   | Giáo dục đạo đức   | Bài 1. Sống có lý tưởng                          | <b>Nhận biết</b><br>- Nêu được khái niệm sống có lý tưởng.<br>- Nêu được lý tưởng sống của thanh niên Việt Nam.<br><b>Thông hiểu</b><br>Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lý tưởng.                                                                                          | 4TN                                 | 1TL        |          |              |
| 2   | Giáo dục đạo đức   | Bài 2. Khoan dung                                | <b>Nhận biết</b><br>- Nêu được khái niệm khoan dung.<br>- Liệt kê được các biểu hiện của khoan dung.<br><b>Vận dụng</b><br>- Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.<br>- Xác định được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. | 4TN<br>1TL                          |            | 1TL      |              |
| 3   | Giáo dục đạo đức   | Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng | <b>Nhận biết</b><br>- Nêu được thế nào là hoạt động cộng đồng.<br>- Liệt kê được một số hoạt động cộng đồng.<br>- Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.                                                                                | 4TN                                 |            |          | 1TL          |

|                    |  |  |                                                                                                                                                                               |                            |             |             |             |
|--------------------|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------|-------------|-------------|
|                    |  |  | <b>Vận dụng cao</b><br>Lựa chọn được những việc làm phù hợp với lứa tuổi để tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng và thực hiện những việc làm đã chọn. |                            |             |             |             |
| <b>Tổng</b>        |  |  |                                                                                                                                                                               | <b>12 TN</b><br><b>1TL</b> | <b>1 TL</b> | <b>1 TL</b> | <b>1 TL</b> |
| <b>Tỉ lệ %</b>     |  |  | <b>100%</b>                                                                                                                                                                   | <b>40%</b>                 | <b>30%</b>  | <b>20%</b>  | <b>10%</b>  |
| <b>Tỉ lệ chung</b> |  |  | <b>100%</b>                                                                                                                                                                   | <b>70%</b>                 |             | <b>30%</b>  |             |

Thời gian: 45 phút - Năm học: 2026 - 2027

| Nội dung kiểm tra                       | Đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Mỹ thuật tạo hình</b><br>- Điều khắc | <b>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình.</b><br>- <i>Yếu tố tạo hình:</i><br>+ Chấm, nét, hình khối, kết cấu, màu sắc, không gian, chất liệu, sắc độ.<br>- <i>Nguyên lí tạo hình:</i><br>+ Cân bằng động, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hòa.<br><b>2. Thể loại</b><br>Lựa chọn, kết hợp:<br>- Lí luận và lịch sử mỹ thuật<br>- Thiết kế mô hình.<br><b>3. Hoạt động thực hành và thảo luận:</b><br><i>Thực hành</i><br>- Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D, 3D. <i>Thảo luận</i><br>- Tìm hiểu về thể loại điêu khắc cân bằng động.<br>- Sản phẩm thực hành của học sinh.<br><b>4. Định hướng chủ đề:</b><br>- Văn hoá xã hội, nghệ thuật Việt Nam - Thế giới. | <b>Nhận biết:</b><br>- Chỉ ra được cách lựa chọn và vận dụng những vật bỏ đi vào tạo sản phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động..<br>- Biết được các vật liệu tạo nên sản phẩm cân bằng chuyển động.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu được cách tạo dáng và trang trí sản phẩm điêu khắc thể loại cân bằng, những vật liệu thấy được xung quanh mà ta thấy hằng ngày .<br>- Hiểu được mục đích sử dụng của sản phẩm với những đối tượng không gian sử dụng khác nhau.<br>- Lựa chọn được một số giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật truyền thống cho ý tưởng thiết kế.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Tạo dáng và trang trí được một số bộ phận cơ bản của sản phẩm cân bằng động có sử dụng các yếu tố tạo hình, như hình khối, đường nét.<br>- Đưa được các hoa văn, hoạ tiết cổ vào thiết kế sản phẩm.<br>- Giới thiệu, nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm.<br><b>Vận dụng cao:</b><br>- Sử dụng sản phẩm mình tạo ra để làm phong phú truyền thống làm sản phẩm điêu khắc thể loại cân bằng động từ vật liệu đã qua sử dụng<br>- Tạo ra các sản phẩm thiết kế tạo hình đẹp và phát huy vẻ đẹp truyền thống văn hóa Việt Nam. |

TP.HCM, ngày 03 tháng 10 năm 2026

**DUYỆT CỦA TCM**

**Lê Anh Tuấn**

## I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:** Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: chạy cự li ngắn (100m).
- Năng lực:** Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:** Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

## II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (2,5 điểm) và thực hành (7,5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

## III. MA TRẬN

| T<br>T | Nội dung kiến thức               | Đơn vị kiến thức                                     | Mức độ nhận thức |                  |            |                  |          |                  |        |                  | Tổng  |    | Tổng điểm %      |    |
|--------|----------------------------------|------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------|------------------|----------|------------------|--------|------------------|-------|----|------------------|----|
|        |                                  |                                                      | Nhận biết        |                  | Thông hiểu |                  | Vận dụng |                  | VD cao |                  | Số CH |    | Thời gian (phút) |    |
|        |                                  |                                                      | Số CH            | Thời gian (phút) | Số CH      | Thời gian (phút) | Số CH    | Thời gian (phút) | Số CH  | Thời gian (phút) | TN    | TH |                  |    |
| 1      | Chủ đề 1: Chạy cự li ngắn (100m) | Củng cố kĩ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát | 2                | 2                | 2          | 3                | 1        | 2                |        |                  | 5     |    | 7                | 25 |
|        |                                  | Củng cố kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích          | 2                | 2                | 2          | 3                | 1        | 3                |        |                  | 5     |    | 8                |    |

|                          |  |                                   |    |   |    |   |   |   |    |    |    |    |    |     |
|--------------------------|--|-----------------------------------|----|---|----|---|---|---|----|----|----|----|----|-----|
|                          |  | Thực hành: Chạy cự li ngắn (100m) |    |   |    |   |   |   | 1  | 30 |    | 1  | 30 | 75  |
| Tổng                     |  |                                   | 4  | 4 | 4  | 6 | 2 | 5 |    |    | 10 |    | 45 | 100 |
| Tỉ lệ % mức độ nhận thức |  |                                   | 10 |   | 10 |   | 5 |   | 75 |    | 25 | 75 |    |     |

#### IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

**Môn: GDTC Lớp 9 ( Trắc nghiệm và Thực hành)**

| STT                          | Nội dung kiến thức                 | Đơn vị kiến thức                                     | Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                        | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |           |              |
|------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|-----------|--------------|
|                              |                                    |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng  | Vận dụng cao |
| 1                            | Chủ đề:<br>Chạy cự li ngắn (100m). | Củng cố kỹ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát | - Nhận biết: Thực hiện được cách bố trí bàn đạp và kỹ thuật xuất phát thấp.<br>- Thông hiểu: Phối hợp được xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.<br>- Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. | 2 (0,5 đ)                        | 2(0,5 đ)   | 1(0,25 đ) |              |
|                              |                                    | Củng cố kỹ thuật chạy giữa quãng và về đích          | - Nhận biết: Phối hợp được giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.<br>- Thông hiểu: Biết được một số điều luật trong môn chạy.<br>- Vận dụng: Vận dụng các bài tập đã học để rèn luyện thể lực và nâng cao kết quả học tập.                                     | 2(0,5 đ)                         | 2(0,5 đ)   | 1(0,25 đ) |              |
|                              |                                    | Thực hành: Chạy cự li ngắn (100m)                    | - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi phát triển sức nhanh.<br>- Vận dụng: Tổ chức thi đấu.                                                                                                                                                                                 |                                  |            |           | 1(7,5 đ)     |
| Tổng số câu, điểm            |                                    |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4                                | 4          | 2         | 1            |
| Tỉ lệ % các mức độ nhận thức |                                    |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                              | 10                               | 10         | 5         | 75           |

**BAN LÃNH ĐẠO**

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**

**Trịnh Văn Tuấn**

Trường TH- THCS-THPT Ngô Thời Nhiệm  
Tổ Nghệ thuật. Bộ môn: Âm nhạc

BẢNG ĐẶC TẢ GIỮA HỌC KÌ I

Bộ môn: Nghệ thuật 9 (Âm nhạc)

BẢNG ĐẶC TẢ

| TT | Mạch nội dung | Đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                  | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Hát           | <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Chủ đề 1:</b> <i>Nổi vòng tay lớn</i> (Nhạc và lời: Trịnh Công Sơn)</li><li>• <b>Chủ đề 2:</b> <i>Bảy sắc cầu vồng</i> (Nhạc: Hoàng Vân, phỏng thơ: Như Mai)</li></ul> | <b>Nhận biết:</b><br>Nêu được tên bài hát, tên các tác giả và nội dung của bài hát.                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|    |               |                                                                                                                                                                                                                   | <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của các bài hát.</li><li>- Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.</li></ul>                                                                                                                                                                   |
|    |               |                                                                                                                                                                                                                   | <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái.</li><li>- Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định.</li><li>- Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca.</li><li>- Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà.</li><li>- Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp.</li></ul> |

| TT | Mạch nội dung | Đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Đọc nhạc      | <b>Bài đọc nhạc số 1</b> (giọng Đô trưởng, nhịp 2/4)                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Nhận biết:</b><br>- Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|    |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc.<br>- Phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc.<br>- Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc                                                                                                                                                                           |
|    |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Vận dụng:</b><br>- Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng.<br>- Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc.<br>- Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp.                                                                                                                                                                                                  |
| 3  | Nhạc cụ       | <p>Nhạc cụ tiết tấu: Các bài thực hành gõ đệm (thanh phách, song loan, tambourine, trống nhỏ, maracas...) cho bài hát Chủ đề 1, 2.</p> <p>Nhạc cụ giai điệu:<br/>+ Kèn phím – thể bấm gam La thứ; bài hoà tấu Vui đến trường (Chủ đề 2).<br/>+ Sáo recorder: Hoà tấu hai bè bài Chiếc cầu Luân Đôn.</p> | <b>Nhận biết:</b><br>Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|    |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Thông hiểu:</b><br>Biết nhận xét về cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|    |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Vận dụng:</b><br>- Biết chơi nhạc cụ đúng kĩ thuật.<br>- Thực hiện được thể bấm các nốt của gam La thứ trên kèn phím.<br>- Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định.<br>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu.<br>- Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm |

| TT | Mạch nội dung | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|---------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |               |                  | <p>xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu (bài Vui đến trường (Kèn phím), bài Chiếc Cầu Luân Đôn (Sáo recorder)).</li> <li>- Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát.</li> </ul> |

**Tùy vào khả năng, năng khiếu của bản thân các em được phép chọn 1 trong 3 nội dung trên để thực hành kiểm tra.**

**TTCM**

**Phí Thị Thu Hiền**

# BẢNG NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: **Công nghệ - Lớp 9** – Kỳ kiểm tra giữa học kì I

Năm học: 2026-2027

| STT | Nội dung                               | Đơn vị kiến thức                                                          | Mức độ đánh giá    |      |          |                         |                     |                    | Tổng số câu |     | Điểm số |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------|------|----------|-------------------------|---------------------|--------------------|-------------|-----|---------|
|     |                                        |                                                                           | PHẦN I (16 câu TN) |      |          | PHẦN II (Tự luận 4 câu) |                     |                    |             |     |         |
|     |                                        |                                                                           | Biết               | Hiểu | Vận dụng | Biết                    | Hiểu                | Vận dụng           | TL          | TN  | Tổng    |
| 1   | 2                                      | 3                                                                         | 4                  | 5    | 6        | 7                       | 8                   | 9                  | 10          | 11  | 12      |
| 1   | Mô đun:<br>LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ | Bài 1: Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình                       | 4 (C1–C4)          |      |          |                         | 1TL (TL1: 1đ)       |                    | 1           | 4   | 2,00    |
|     |                                        | Bài 2: Dụng cụ đo điện cơ bản                                             | 4 (C5–C8)          |      |          |                         | 1 ý TL (TL2a: 0,5đ) | 1 ý TL (TL2b: 1đ)  | 1           | 4   | 2,50    |
|     |                                        | Bài 3: Thiết kế mạng điện trong nhà                                       | 4 (C9–C12)         |      |          |                         | 1 ý TL (TL3a: 0,5đ) | 1 ý TL* (TL3b: 1đ) | 1           | 4   | 2,50    |
|     |                                        | Bài 4: Vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà | 4 (C13–C16)        |      |          |                         | 1 ý TL (TL4a: 1đ)   | 1 ý TL (TL4b: 1đ)  | 1           | 4   | 3,00    |
| 2   | Số câu/ý TN, số câu TL (YCCĐ)          |                                                                           | 16TN               | —    | —        | —                       | 4 ý TL              | 3 ý TL             | 4           | 16  |         |
| 3   | Điểm số                                |                                                                           | 4,0                | 0,0  | 0,0      | 0,0                     | 3,0                 | 3,0                | 6,0         | 4,0 | 10,0    |
| 4   | Tổng số điểm                           |                                                                           | 4,0 điểm           |      |          | 6,0 điểm                |                     |                    | 10 điểm     |     | 10 điểm |

**KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ; LỚP: 9 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

| TT            | Nội dung                               | Đơn vị kiến thức                                                          | Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số câu/ý theo mức độ nhận thức |                        |                       |
|---------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
|               |                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nhận biết                      | Thông hiểu             | Vận dụng              |
| 1             | Mô đun:<br>LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ | Bài 1: Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình                       | <b>Nhận biết:</b><br>- Kể tên được các thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình.<br>- Nêu được chức năng cơ bản của một số thiết bị đóng cắt.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Mô tả được cấu tạo, chức năng và thông số kỹ thuật của một số thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình.                                                                                                                                | 4TN<br>(C1–C4)                 | 1TL<br>(TL1: 1đ)       |                       |
|               |                                        | Bài 2: Dụng cụ đo điện cơ bản                                             | <b>Nhận biết:</b><br>- Kể tên được một số dụng cụ đo điện cơ bản và nhận biết cấu tạo, chức năng của chúng.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Mô tả được các bước sử dụng một số dụng cụ đo điện như ampe kim, đồng hồ điện năng.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Lựa chọn và sử dụng đúng mục đích dụng cụ đo điện phù hợp với đại lượng cần đo trong tình huống thực tế.                                                            | 4TN<br>(C5–C8)                 | 1 ý TL<br>(TL2a: 0,5đ) | 1 ý TL<br>(TL2b: 1đ)  |
|               |                                        | Bài 3: Thiết kế mạng điện trong nhà                                       | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được các kí hiệu và các loại sơ đồ thường dùng trong mạng điện trong nhà.<br>- Nêu được vai trò của sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Mô tả được cách kết nối nối thiết bị, đồ dùng điện trên sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Thiết kế được sơ đồ nguyên lí hoặc sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà theo yêu cầu đơn giản.        | 4TN<br>(C9–C12)                | 1 ý TL<br>(TL3a: 0,5đ) | 1 ý TL*<br>(TL3b: 1đ) |
|               |                                        | Bài 4: Vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được tên một số vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng để lắp đặt mạng điện trong nhà.<br>- Nêu được một số tiêu chí lựa chọn vật liệu và thiết bị điện.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Lựa chọn được vật liệu, thiết bị, dụng cụ phù hợp với yêu cầu của một mạng điện trong nhà.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Đánh giá được sự phù hợp của các vật liệu, thiết bị dùng để lắp đặt mạng điện trong nhà. | 4TN<br>(C13–C16)               | 1 ý TL<br>(TL4a: 1đ)   | 1 ý TL<br>(TL4b: 1đ)  |
| Tổng số câu/ý |                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 16TN                           | 4 ý TL                 | 3 ý TL                |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Năm học: 2026 - 2027**

**MÔN NGỮ VĂN 9**

**Thời gian: 90 phút**

**I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:**

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn về năng lực Ngữ văn trình độ lớp 9 (CT Ngữ văn 2018).
- Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản; cảm thụ, phân tích để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

**II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG:**

- Kiến thức phần Đọc hiểu:** Thơ song thất lục bát; Biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần
- Kiến thức phần Viết:** Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết

**III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:**

- Hình thức:** Tự luận (100%)
- Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

**IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

| TT      | Kĩ năng  | Đơn vị kiến thức / Kĩ năng                                 | Nhận biết |      | Thông hiểu |      | Vận dụng |      | Tổng   |      | % tổng điểm |
|---------|----------|------------------------------------------------------------|-----------|------|------------|------|----------|------|--------|------|-------------|
|         |          |                                                            | Số câu    | Điểm | Số câu     | Điểm | Số câu   | Điểm | Số câu | Điểm |             |
| 1       | Đọc hiểu | Thơ song thất lục bát                                      | 2         | 2,0  | 1          | 1,5  | 1        | 1,5  | 4      | 5,0  | 50%         |
|         |          | Biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần                       | 1         | 1,0  | 0          | 0    | 0        | 0    | 1      | 1,0  | 10%         |
| 2       | Viết     | Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết | 0*        | 0,5* | 0*         | 1,5* | 1*       | 2,0* | 1      | 4,0  | 40%         |
| Tổng    |          |                                                            | 3         | 3,5  | 1          | 3,0  | 2        | 3,5  | 6      | 10,0 | 100%        |
| Tỉ lệ % |          |                                                            | 35%       |      | 30%        |      | 35%      |      |        |      | 100%        |

## BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

| TT | Kĩ năng         | Đơn vị kiến thức / kĩ năng | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          | Tổng số câu | Điểm |
|----|-----------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|-------------|------|
|    |                 |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng |             |      |
| 1  | <b>Đọc hiểu</b> | Thơ song thất lục bát      | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được thể thơ song thất lục bát (cấu trúc khổ thơ gồm 2 câu thất, 1 câu lục, 1 câu bát).</li> <li>- Nhận biết được đặc điểm về vần (vần lưng, vần chân, vần trắc, vần bằng), nhịp (3/4 hoặc 3/2/2 ở câu thất; 2/2/2 hoặc 4/4 ở câu lục bát).</li> <li>- Nhận biết các từ ngữ, hình ảnh, nhân vật trữ tình, bối cảnh không gian, thời gian tiêu biểu trong đoạn trích.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và làm rõ ý nghĩa của hình ảnh, chi tiết tiêu biểu; sự biến chuyển của mạch cảm xúc.</li> <li>- Phân tích được tâm trạng, nỗi niềm của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả.</li> <li>- Rút ra được chủ đề, tư tưởng, thông điệp nhân văn của đoạn trích thơ.</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những chuyển biến trong suy nghĩ, tình cảm hoặc thái độ sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm.</li> </ul> | 2 (C1, C2)                       | 1 (C4)     | 1 (C5)   | 4           | 5,0  |

|   |      |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |        |    |    |            |     |
|---|------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----|----|------------|-----|
|   |      |                                                            | - Vận dụng bài học, tư tưởng từ đoạn trích để bày tỏ quan điểm về những vấn đề nhân sinh, đạo đức trong cuộc sống đương đại.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |        |    |    |            |     |
|   |      | Biện pháp tu từ Điệp thanh, điệp vần                       | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được biện pháp tu từ điệp thanh (sử dụng lặp lại các thanh bằng hoặc thanh trắc) hoặc điệp vần (lặp lại các âm tiết có cùng khuôn vần) trong câu thơ/ đoạn thơ.<br>- Chỉ ra đúng từ ngữ thực hiện phép điệp thanh, điệp vần.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1 (C3) | 0  | 0  | 1          | 1,0 |
| 2 | Viết | Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết | <b>Nhận biết:</b><br>- Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội bàn về một vấn đề đời sống cần giải quyết (thực trạng tiêu cực, vấn đề cấp thiết của học đường, môi trường, lối sống...).<br>- Đảm bảo bố cục 3 phần của bài văn (Mở bài, Thân bài, Kết bài); chuẩn quy tắc chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Giải thích rõ vấn đề và nêu được thực trạng/tính cấp thiết của vấn đề cần giải quyết trong đời sống hiện nay.<br>- Phân tích rõ nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và hậu quả/tác động tiêu cực của vấn đề đối với cá nhân, gia đình, nhà trường và xã hội.<br>- Đưa ra được các lí lẽ xác đáng và bằng chứng thực tế, thuyết phục.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Đề xuất hệ thống giải pháp khả thi, toàn diện, thiết thực để giải quyết vấn đề (từ góc | 0*     | 0* | 1* | 1 câu (TL) | 4,0 |

|                |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |            |            |            |          |             |
|----------------|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|----------|-------------|
|                |  |  | <p>độ cá nhân, gia đình, nhà trường, cơ quan chức năng, xã hội).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khẳng định ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề và rút ra bài học nhận thức, hành động đúng đắn cho bản thân.</li> <li>- Lập luận chặt chẽ, tư duy phản biện sắc sảo, diễn đạt mạch lạc, giàu sức thuyết phục.</li> </ul> |            |            |            |          |             |
| <b>Tổng</b>    |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>3</b>   | <b>1</b>   | <b>2</b>   | <b>6</b> | <b>10,0</b> |
| <b>Tỉ lệ %</b> |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>35%</b> | <b>30%</b> | <b>35%</b> |          | <b>100%</b> |

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Loại bài kiểm tra: định kỳ - Giữa HK1

Khối 9 – ICT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT           | Chủ đề/Chương                                               | Nội dung/đơn vị kiến thức                                | Mức độ đánh giá |        |          |         |      |          |         |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ % điểm  |
|--------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|--------|----------|---------|------|----------|---------|------|----------|------|------|----------|---------------|
|              |                                                             |                                                          | TNKQ-NLC        |        |          | TNKQ-ĐS |      |          | Tự luận |      |          |      |      |          |               |
|              |                                                             |                                                          | Biết            | Hiểu   | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |               |
| 1            | Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng                             | Bài 1. Thế giới kỹ thuật số                              | 2               | 2      | 1        | 2       | 1    | 1        |         |      |          | 4    | 3    | 2        | 22.5%<br>2.25 |
| 2            | Chủ đề 2: Tổ chức Lưu trữ, Tìm kiếm và Trao đổi thông tin   | Bài 2. Thông tin trong giải quyết vấn đề                 | 3               | 3      | 2        | 1       | 1    | 2        |         |      |          | 4    | 4    | 4        | 30%<br>3      |
| 3            |                                                             | Bài 3. Thực hành: Đánh giá chất lượng thông tin.         | 3               | 3      | 2        |         |      |          |         |      |          | 3    | 3    | 2        | 20%<br>2      |
| 4            | Chủ đề 3: Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số | Bài 4: Một số vấn đề pháp lí về sử dụng dịch vụ internet | 3               | 2      | 2        | 1       | 1    | 2        |         |      |          | 4    | 3    | 4        | 27.5%<br>2.75 |
| Tổng số câu  |                                                             |                                                          | 11 câu          | 10 câu | 7 câu    | 4 ý     | 3 ý  | 5 ý      |         |      |          | 15   | 13   | 12       |               |
| Tổng số điểm |                                                             |                                                          | 2.75            | 2.5    | 1.75     | 1       | 0.75 | 1.25     |         |      |          | 3.75 | 3.25 | 3        |               |

|         |     |     |  |       |       |     |  |
|---------|-----|-----|--|-------|-------|-----|--|
| Tỉ lệ % | 70% | 30% |  | 37.5% | 32.5% | 30% |  |
|---------|-----|-----|--|-------|-------|-----|--|

## II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT | Chủ đề/Chương                   | Nội dung/đơn vị kiến thức   | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |
|----|---------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|---------------------------|------|----------|---------------------------|------|----------|---------|------|----------|
|    |                                 |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TNKQ                             |      |          |                           |      |          |                           |      |          | Tự luận |      |          |
|    |                                 |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nhiều lựa chọn                   |      |          | “Đúng – Sai” <sup>2</sup> |      |          | Trả lời ngắn <sup>3</sup> |      |          |         |      |          |
|    |                                 |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết                      | Hiểu | Vận dụng | Biết                      | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| 1  | Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng | Bài 1. Thế giới kỹ thuật số | <div><div>* <b>Biết:</b><br/>Biết các thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin</div><div>* <b>Hiểu:</b><br/>Hiểu được khả năng của máy tính và chỉ ra được một số ứng dụng thực tế của nó trong khoa học kĩ thuật và đời sống.</div><div>* <b>Vận dụng:</b><ul style="list-style-type: none"><li>Nêu được tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục và xã hội thông qua các ví dụ cụ thể</li></ul></div></div> <td>2</td> <td>2</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>1</td> <td>1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> | 2                                | 2    | 1        | 2                         | 1    | 1        |                           |      |          |         |      |          |



|                     |                                                                            |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |        |        |       |     |      |      |  |  |  |  |  |  |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|-------|-----|------|------|--|--|--|--|--|--|
| 4                   | Chủ đề 3:<br>Đạo đức,<br>pháp luật và<br>văn hoá<br>trong môi<br>trường số | Bài 4: Một số vấn<br>đề pháp lí về sử<br>dụng dịch vụ<br>internet | <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết được được một số tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đối với đời sống con người và xã hội.</li> </ul> </li> <li>* <b>Hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu được một số nội dung liên quan đến luật Công nghệ thông tin, nghị định về sử dụng dịch vụ Internet, các khía cạnh pháp lí của việc sở hữu, sử dụng và trao đổi thông tin</li> </ul> </li> <li>* <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được một số hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số thông qua một vài ví dụ.</li> </ul> </li> </ul> | 3      | 2      | 2     | 1   | 1    | 2    |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng số câu</b>  |                                                                            |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 11 câu | 10 câu | 7 câu | 4 ý | 3 ý  | 5 ý  |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                            |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2.75   | 2.5    | 1.75  | 1   | 0.75 | 1.25 |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |                                                                            |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 70%    |        |       | 30% |      |      |  |  |  |  |  |  |

TRƯỜNG TH, THCS & THPT  
NGÔ THỜI NHIỆM

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN – LỚP 9 - NĂM HỌC 2026 - 2027

| TT | Chủ đề                                          | Nội dung/Đơn vị kiến thức                                           | Mức độ đánh giá      |                    |                     |                       |                       |    | Tổng % điểm |
|----|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|----|-------------|
|    |                                                 |                                                                     | Nhận biết            |                    | Thông hiểu          |                       | Vận dụng              |    |             |
|    |                                                 |                                                                     | TNKQ                 | TL                 | TNKQ                | TL                    | TNKQ                  | TL |             |
| 1  | Phương trình và hệ phương trình bậc nhất nhất   | 1.1. Khái niệm phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn  | 2<br>(TN1,2)<br>0,5  |                    |                     |                       |                       |    | 3,0         |
|    |                                                 | 1.2. Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn                       | 1<br>(TN3)<br>0,25   |                    | 1<br>(TN4)<br>0,25  | 2<br>(TL2a,2b)<br>1,0 |                       |    |             |
|    |                                                 | 1.3. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình                    |                      |                    |                     |                       | 1<br>(TL3)<br>1,0     |    |             |
| 2  | Bất đẳng thức. Bất phương trình bậc nhất một ẩn | 2.1. Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn               | 2<br>(TN5,6)<br>0,5  | 1<br>(TL1a)<br>0,5 |                     | 2<br>(TL1b,1c)<br>1,0 |                       |    | 4,0         |
|    |                                                 | 2.2. Bất đẳng thức.                                                 | 1<br>(TN7)<br>0,25   |                    |                     |                       | 2<br>(TL4a,4b)<br>1,0 |    |             |
|    |                                                 | 2.3. Bất phương trình bậc nhất một ẩn                               | 1<br>(TN8)<br>0,25   |                    |                     | 1<br>(TL1d)<br>0,5    |                       |    |             |
| 3  | Hệ thức lượng trong tam giác vuông              | 3.1. Tỷ số lượng giác của góc nhọn                                  | 2<br>(TN9,10)<br>0,5 |                    |                     | 1<br>(TL5a)<br>1,0    |                       |    | 3,0         |
|    |                                                 | 3.2. Một số hệ thức giữa cạnh, góc trong tam giác vuông và ứng dụng | 1<br>(TN11)<br>0,25  |                    | 1<br>(TN12)<br>0,25 |                       | 1<br>(TL5b)<br>1,0    |    |             |

|                      |           |          |          |          |     |          |            |
|----------------------|-----------|----------|----------|----------|-----|----------|------------|
| Tổng: Số câu<br>Điểm | 10<br>2,5 | 1<br>0,5 | 2<br>0,5 | 6<br>3,5 |     | 4<br>3,0 | 23<br>10,0 |
| Tỉ lệ %              | 30 %      |          | 40%      |          | 30% |          | 100%       |
| Tỉ lệ chung          | 70%       |          |          |          | 30% |          | 100%       |

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TOÁN – LỚP 9 - NĂM HỌC 2026 - 2027**

| TT | Nội dung kiến thức                                     | Đơn vị kiến thức                                                          | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |                          |            |
|----|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------|------------|
|    |                                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Nhận biết                        | Thông hiểu               | Vận dụng   |
| 1  | <b>Phương trình và hệ phương trình bậc nhất</b>        | <b>1.1. Khái niệm phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn</b> | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.                                                                                                                                                                                                             | <b>2TN</b>                       |                          |            |
|    |                                                        | <b>1.2. Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn</b>                      | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Tính được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay.<br>- Hiểu về nghiệm của hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn<br>- Hiểu được cách giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. | <b>1TN</b>                       | <b>1TN</b><br><b>2TL</b> |            |
|    |                                                        | <b>1.3. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình</b>                   | <b>Vận dụng:</b><br>- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.                                                                                                                                                                                                                    |                                  |                          | <b>1TL</b> |
|    | <b>Bất đẳng thức. Bất phương trình bậc nhất một ẩn</b> | <b>2.1. Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn</b>              | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được điều kiện và nghiệm của phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu.<br>- Biết giải phương trình tích dưới dạng đơn giản.<br><b>Thông hiểu</b><br>- Giải được một số phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu.                                                                    | <b>2TN</b><br><b>1TL</b>         | <b>2TL</b>               |            |

|   |                                    |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |     |     |
|---|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|
|   |                                    | 2.2. Bất đẳng thức.                                                 | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được bất đẳng thức<br><b>Vận dụng</b><br>- Ứng dụng tổng hợp các phép biến đổi đa thức, các tính chất của bất đẳng thức để chứng minh theo yêu cầu của đề bài                                                                                                                                                                                                                                | 1TN |     | 2TL |
|   |                                    | 2.3. Bất phương trình bậc nhất một ẩn                               | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được khái niệm bất phương trình bậc nhất một ẩn.<br><b>Thông hiểu</b><br>- Giải được bất phương trình bậc nhất một ẩn.                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1TN | 1TL |     |
| 2 | Hệ thức lượng trong tam giác vuông | 3.1. Tỷ số lượng giác của góc nhọn                                  | <b>Nhận biết</b><br>– Nhận biết được các giá trị sin ( <i>sine</i> ), cosin ( <i>cosine</i> ), tang ( <i>tangent</i> ), cotang ( <i>cotangent</i> ) của góc nhọn.<br><b>Thông hiểu</b><br>– Giải thích được tỉ số lượng giác của các góc nhọn đặc biệt (góc $30^\circ$ , $45^\circ$ , $60^\circ$ ) và của hai góc phụ nhau.<br>- Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) tỉ số lượng giác của góc nhọn bằng máy tính cầm tay. | 2TN | 1TL |     |
|   |                                    | 3.2. Một số hệ thức giữa cạnh, góc trong tam giác vuông và ứng dụng | <b>Nhận biết</b><br>– Nhận biết được các hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông.<br><b>Thông hiểu</b><br>- Giải thích được một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông<br><b>Vận dụng</b><br>- Ứng dụng các hệ thức tính chiều cao, khoảng cách,..<br>- Sử dụng các mối quan hệ của hệ thức để chứng minh hệ thức theo yêu cầu đề bài, ...                                                                     | 1TN | 1TN | 1TL |

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT  
NGÔ THỜI NHIỆM  
TỔ NGOẠI NGỮ

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1  
Môn: Tiếng Anh 9  
Năm học 2026-2027

| STT | ĐƠN VỊ KIẾN THỨC                                                                                                          | CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC |    |            |    |          |    |              |    | Tổng số câu |    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----|------------|----|----------|----|--------------|----|-------------|----|
|     |                                                                                                                           | NHẬN BIẾT                     |    | THÔNG HIỂU |    | VẬN DỤNG |    | VẬN DỤNG CAO |    |             |    |
|     |                                                                                                                           | TN                            | TL | TN         | TL | TN       | TL | TN           | TL | TN          | TL |
| 1   | - Nghe hiểu                                                                                                               | 4                             |    | 1          |    |          |    |              |    | 5           |    |
| 2   | - Ngữ âm                                                                                                                  | 4                             |    |            |    |          |    |              |    | 4           |    |
| 3   | - Từ vựng trong ngữ cảnh                                                                                                  | 2                             |    | 5          |    |          |    |              |    | 7           |    |
| 4   | - <b>Ngữ pháp:</b> <i>Past Simple</i> trong kể trải nghiệm trước đây (U1/U2)                                              | 1                             |    |            |    |          |    |              |    | 1           |    |
| 5   | - <b>Ngữ pháp:</b> <i>how/what/where + to V</i> (U1)                                                                      | 1                             |    |            |    |          |    |              |    | 1           |    |
| 6   | - <b>Ngữ pháp:</b> <i>phrasal verb: take care of / find out / hand down</i> (U1)                                          | 1                             |    |            |    |          |    |              |    | 1           |    |
| 7   | - <b>Ngữ pháp:</b> <i>passive voice diễn tả hoạt động cộng đồng / sản phẩm</i> (U1)                                       | 1                             |    |            |    |          |    |              |    | 1           |    |
| 8   | - <b>Ngữ pháp:</b> <i>phrasal verb: get around / carry out / cut down on</i> (U2)                                         | 1                             |    |            |    |          |    |              |    | 1           |    |
| 9   | - <b>Ngữ pháp:</b> <i>Present Simple ở if-clause loại 1</i> (U3)                                                          | 1                             |    |            |    |          |    |              |    | 1           |    |
| 10  | - <b>Ngữ pháp:</b> <i>the + comparative..., the + comparative... (U2)</i>                                                 |                               |    | 1          |    |          |    |              |    | 1           |    |
| 11  | - <b>Ngữ pháp:</b> <i>can/should/must/might + V trong main clause của điều kiện loại 1, phân biệt theo ngữ nghĩa</i> (U3) |                               |    | 1          |    |          |    |              |    | 1           |    |
| 12  | - Chức năng giao tiếp                                                                                                     |                               |    |            |    | 2        |    |              |    | 2           |    |
| 13  | - Đọc thông tin biển báo, quảng cáo                                                                                       |                               |    |            |    | 2        |    |              |    | 2           |    |
| 14  | - Đọc điền từ                                                                                                             | 2                             |    |            |    | 4        |    |              |    | 6           |    |
| 15  | - Đọc hiểu, trả lời câu hỏi                                                                                               |                               |    | 5          |    | 1        |    |              |    | 6           |    |
| 16  | - Từ loại                                                                                                                 |                               |    |            | 2  |          | 2  |              |    |             | 4  |
| 17  | - Trật tự từ                                                                                                              |                               | 2  |            |    |          |    |              |    |             | 2  |
| 18  | - Biến đổi câu                                                                                                            |                               |    |            |    |          | 4  |              |    |             | 4  |

|              |      |   |      |   |      |   |     |  |      |      |
|--------------|------|---|------|---|------|---|-----|--|------|------|
| <b>TỔNG</b>  | 18   | 2 | 15   | 2 | 9    | 6 |     |  | 40   | 10   |
| <b>TỈ LỆ</b> | 40 % |   | 30 % |   | 30 % |   | 0 % |  | 80 % | 20 % |

**MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HK I KHỐI 9 NĂM HỌC 2026 – 2027**

| TT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức        | Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          |              |
|----|--------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|--------------|
|    |                    |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1  | <b>Nghe</b>        | Nghe thông tin chi tiết | <b>Biết</b><br>- Nghe và nhận diện được các thông tin chi tiết, cụ thể (ví dụ: thời gian, số lượng, tên riêng) trong một đoạn hội thoại hoặc thông báo ngắn.<br><b>Hiểu</b><br>- Dựa vào ngữ cảnh của bài nghe, suy luận và điền được thông tin còn thiếu (về người, vật, hành động...) vào chỗ trống.<br><i>+ Nghe 01 hội thoại/thông báo/phông vấn ngắn (khoảng 110–150 từ; chọn một tình huống thống nhất thuộc U1, U2 hoặc U3: ngày hội cộng đồng, giao thông đô thị, lịch sinh hoạt/học tập của học sinh)</i> | 4                                | 1          |          |              |
| 2  | <b>Ngữ âm</b>      | Phát âm                 | <b>Biết</b><br>- Nhận diện được từ có phần gạch chân được phát âm khác so với các từ còn lại.<br><i>+ Nguyên âm: U1 /æ/, /a:/, /e/; U2 /aʊ/, /əʊ/, /eə/</i><br><i>+ Phát âm s/es</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2                                |            |          |              |
|    |                    | Nhấn âm                 | <b>- Biết</b><br>- Nhận diện được từ có dấu trọng âm chính ở vị trí khác so với các từ còn lại.<br><i>+ Các từ 2 âm tiết; được lấy từ được lấy từ unit 1, 2, 3</i><br><i>+ Các từ 3 âm tiết; được lấy từ được lấy từ unit 1, 2, 3</i>                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2                                |            |          |              |
| 3  | <b>Từ vựng</b>     | Từ vựng trong ngữ cảnh  | <b>Biết</b><br>- Nhận diện được giới từ/từ phù hợp để tạo thành các cụm từ cố định (collocations) quen thuộc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2<br>(1 giới từ - 1 cụm từ)      | 5          |          |              |

|   |                 |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                 |          |  |  |
|---|-----------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|--|--|
|   |                 |                                | <p>+ <i>get on with / be famous for / be packed with / give priority to</i><br/> + <i>public amenities, traffic congestion, carry out a project, due date, physical health</i><br/> <b>Hiểu</b><br/> - Phân biệt được sự khác biệt về nghĩa/ sắc thái nghĩa của các từ để lựa chọn từ phù hợp nhất với ngữ cảnh của câu.<br/> + <i>U1 facilities / amenities; artisan / resident; preserve / shorten;</i><br/> + <i>U2 crowded / congested, reliable / convenient, pricey / attractive;</i><br/> + <i>U3 stressed out / optimistic, delay / accomplish, priority / distraction, physical / mental.</i></p>                                                                                                                                                                                   | <i>cố định)</i> |          |  |  |
| 4 | <b>Ngữ pháp</b> | Thì của động từ                | <p><b>Biết</b><br/> - Nhận diện được các dấu hiệu về thời gian, cấu trúc để lựa chọn đúng dạng thức của động từ hoặc thành phần cấu trúc ngữ pháp cơ bản.<br/> + <i>Past Simple trong kể trải nghiệm trước đây (U1/U2)</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>1</b>        |          |  |  |
|   |                 | (cấu trúc theo đơn vị bài học) | <p><b>Biết</b><br/> - Nhận diện được các dấu hiệu về thời gian, cấu trúc để lựa chọn đúng dạng thức của động từ hoặc thành phần cấu trúc ngữ pháp cơ bản.<br/> + <i>how/what/where + to V (U1)</i><br/> + <i>phrasal verb: take care of / find out / hand down (U1)</i><br/> + <i>passive voice diễn tả hoạt động cộng đồng / sản phẩm (U1)</i><br/> + <i>phrasal verb: get around / carry out / cut down on (U2)</i><br/> + <i>Present Simple ở if-clause loại 1 (U3)</i><br/> <b>Hiểu</b><br/> - Phân biệt được cách sử dụng của các cấu trúc ngữ pháp có nét nghĩa tương đồng để lựa chọn phương án đúng.<br/> + <i>the + comparative..., the + comparative... (U2)</i><br/> + <i>can/should/must/might + V trong main clause của điều kiện loại 1, phân biệt theo ngữ nghĩa (U3)</i></p> | <b>5</b>        | <b>2</b> |  |  |

|   |            |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |               |                                                                                        |   |  |
|---|------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 5 | <b>Nói</b> | Chức năng giao tiếp | <b>Vận dụng</b><br>- sắp xếp các lượt lời để tạo một cuộc hội thoại có nghĩa<br>+ <i>Seeking help and responding (U1) hoặc Offering help and responding (U2)</i><br>- Áp dụng kiến thức về các mẫu câu giao tiếp xã hội để lựa chọn lời đối đáp phù hợp với tình huống và ngữ cảnh cho trước.<br>+ <i>Asking for repetition and responding (U3)</i>                                                                                                                                                      |               |                                                                                        | 2 |  |
| 6 | <b>Đọc</b> | Thông tin           | <b>Vận dụng</b><br>- Đọc một biển báo/notice về an toàn giao thông, sự kiện cộng đồng hoặc thông báo hạn nộp dự án và một tin nhắn về hoạt động sức khỏe/tinh thần học đường; diễn giải nội dung hoặc hành động cần thực hiện;                                                                                                                                                                                                                                                                           |               |                                                                                        | 2 |  |
|   |            | Điền từ             | <b>Biết</b><br>- Nhận diện được giới từ/từ phù hợp để tạo thành các cụm từ cố định (collocations) quen thuộc.<br><b>Vận dụng</b><br>- Dựa vào ngữ cảnh của câu và cả đoạn văn, lựa chọn từ vựng (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ) phù hợp về nghĩa để điền vào chỗ trống.<br>- Phân tích mối quan hệ logic giữa các câu, các mệnh đề để lựa chọn câu phù hợp, đảm bảo tính mạch lạc cho văn bản.<br>+ <i>01 văn bản khoảng 140–170 từ về teen-friendly / greener city hoặc hoạt động Teenovators</i> | 2<br>(phụ từ) |                                                                                        | 4 |  |
|   |            | Đọc hiểu            | <b>Hiểu</b><br>- Đọc và xác định được thông tin cụ thể trong bài để trả lời câu hỏi; diễn giải thông tin để giải quyết các câu hỏi True/False; câu hỏi chi tiết, quy chiếu<br>- Suy luận nghĩa của từ/cụm từ dựa vào ngữ cảnh.<br><b>Vận dụng</b><br>- Phân tích và tổng hợp thông tin từ toàn bài đọc để xác định được ý chính hoặc tiêu đề phù hợp nhất.<br>+ <i>01 brochure/bài đọc thông tin 170–210 từ giới thiệu làng nghề hoặc đặc sản tại Việt Nam</i>                                           |               | <b>5</b><br>- T/F<br>- qui chiếu<br>- chi tiế<br>- từ vựng<br>(đồng nghĩa, trái nghĩa) | 1 |  |

|                            |      |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |     |     |    |
|----------------------------|------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|----|
| 7                          | Viết | Từ loại                  | <b>Hiểu</b><br>- Dựa trên việc hiểu và diễn giải ngữ cảnh rõ ràng của câu, học sinh suy luận và xác định được dạng từ phù hợp, quen thuộc từ một từ gốc cho sẵn.<br>+ <i>use</i> → <i>useful</i> , <i>regular</i> → <i>regularly</i> , <i>protect</i> → <i>protection</i> , <i>attract</i> → <i>attractive</i><br><b>Vận dụng</b><br>- Áp dụng kiến thức về cấu tạo từ (tiền tố, hậu tố) và chức năng ngữ pháp của từ loại (danh, động, tính, trạng) để biến đổi từ gốc cho phù hợp với vị trí và ngữ nghĩa của câu.<br>+ <i>pollute</i> → <i>pollution/ pollutant</i> , <i>rely</i> → <i>reliable/ reliant</i> , <i>responsible</i> → <i>responsibility</i> , <i>anxious</i> → <i>anxiety</i> . |     | 2   | 2   |    |
|                            |      | Trật tự từ               | <b>Biết</b><br>- sắp xếp các thành tố để tạo thành câu có nghĩa<br>+ lời hỏi/đáp về địa phương với <i>where/how</i> + <i>to-infinitive</i><br>+ lời khuyên quản lí thời gian/giữ sức khỏe với <i>should</i> + <i>bare infinitive</i> hoặc <i>if-clause</i> rõ trật tự.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2   |     |     |    |
|                            |      | Biến đổi câu             | <b>Vận dụng</b><br>- Vận dụng linh hoạt các cấu trúc ngữ pháp và từ/cụm từ đồng nghĩa, trái nghĩa đã học để viết lại câu theo yêu cầu mà không làm thay đổi nghĩa gốc.<br>+ <i>wh-clause</i> → <i>question word</i> + <i>to V (U1)</i><br>+ <i>reduce</i> → <i>cut down on</i> , hoặc <i>be responsible for</i> → <i>take care of (U1/U2)</i><br>+ <i>as A becomes..., B becomes...</i> → <i>double comparative (U2)</i><br>+ lời khuyên có điều kiện → <i>If</i> + <i>Present Simple</i> , <i>S</i> + <i>should/can/must</i> + <i>V (U3)</i>                                                                                                                                                    |     |     | 4   |    |
|                            |      | <b>Tổng câu (50 câu)</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     | 20  | 15  | 15 |
| <b>Tổng điểm (10 điểm)</b> |      |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4   | 3   | 3   |    |
| <b>Tỉ lệ</b>               |      |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 40% | 30% | 30% |    |

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM  
BỘ MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- NĂM HỌC: 2026 -2027

KHỐI 9

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 1.2 GDĐP 9. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

| Stt | Nội dung kiến thức                                                              | Đơn vị kiến thức                                                                                                                                               | Câu hỏi theo mức độ nhận thức |           |            |           |            |           |              |           | Tổng số câu |            | Tổng thời gian | Tỉ lệ % | Tổng số câu TN và TL |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|--------------|-----------|-------------|------------|----------------|---------|----------------------|
|     |                                                                                 |                                                                                                                                                                | NHẬN BIẾT                     |           | THÔNG HIỂU |           | Vận dụng   |           | Vận dụng cao |           |             |            |                |         |                      |
|     |                                                                                 |                                                                                                                                                                | Câu hỏi TN                    | Thời gian | Câu hỏi TN | Thời gian | Câu hỏi TL | Thời gian | Câu hỏi TL   | Thời gian | Câu hỏi TN  | Câu hỏi TL |                |         |                      |
| 1   | <b>Chủ đề 1:</b><br>Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và vấn đề phát triển bền vững | - Đặc điểm chung của nền kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.<br>- Các ngành kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh<br>- Vấn đề phát triển bền vững ở Thành phố Hồ Chí Minh | 6                             |           | 2          |           |            |           | 1            |           | 8           | 1          | 20,25          | 50%     | 8                    |

|             |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |           |  |          |  |          |  |          |  |           |          |           |              |           |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|----------|--|----------|--|----------|--|-----------|----------|-----------|--------------|-----------|
| 2           | <b>Chủ đề 2:</b><br>Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1918 đến nay | <ul style="list-style-type: none"><li>- Quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và khởi nghĩa giành chính quyền (1918–1945)</li><li>- Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng chiến chống thực dân Pháp (1945–1954) và đế quốc Mỹ (1954–1975)</li><li>- Thành phố Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng, đổi mới và phát triển từ năm 1975 đến nay</li></ul> | 4         |  | 2        |  | 1        |  |          |  | 6         | 1        | 20,25     | 50%          | 8         |
| <b>Tổng</b> |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>10</b> |  | <b>4</b> |  | <b>1</b> |  | <b>1</b> |  | <b>14</b> | <b>2</b> | <b>45</b> | <b>100 %</b> | <b>16</b> |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- GDDP 9 - NĂM HỌC: 2026-2027**

**I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA**

- Nội dung: Chủ đề 1.2 GDDP 9. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

| Stt | Nội dung kiến thức                                                           | Đơn vị kiến thức                                                                                                                                               | Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |            |              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|------------|--------------|
|     |                                                                              |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Nhận biết                     | Thông hiểu | Vận dụng   | Vận dụng cao |
|     |                                                                              |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Câu hỏi TN                    | Câu hỏi TN | Câu hỏi TL | Câu hỏi TL   |
| 1   | <b>Chủ đề 1:</b> Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và vấn đề phát triển bền vững | - Đặc điểm chung của nền kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.<br>- Các ngành kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh<br>- Vấn đề phát triển bền vững ở Thành phố Hồ Chí Minh | <b>Nhận biết</b><br><br>- Nêu được vai trò, vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình hội nhập và phát triển kinh tế.<br>- Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế chủ yếu của Thành phố Hồ Chí Minh: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp và dịch vụ.<br>- Nêu được vai trò của liên kết vùng đối với sự phát triển kinh tế và giải quyết một số vấn đề đặt ra trong quá trình đô thị hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh. | 6                             | 2          |            | 1            |

|   |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |   |   |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--|
|   |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>-Phân tích được những lợi thế và thách thức trong quá trình phát triển kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>-Giải thích được những cơ hội phát triển kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh sau khi sáp nhập với tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đặc biệt đối với các ngành công nghiệp, dịch vụ và logistics.</p> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <p>- Đề xuất được một số giải pháp thiết thực nhằm góp phần phát triển kinh tế bền vững ở Thành phố Hồ Chí Minh, gắn với bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.</p>                                                                                                                                                                                                                                                  |   |   |   |  |
| 2 | <p><b>Chủ đề 2:</b> Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1918 đến nay</p> | <p>- Quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và khởi nghĩa giành chính quyền (1918–1945)</p> <p>- Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng chiến chống thực dân Pháp (1945–1954) và đế quốc Mỹ (1954–1975)</p> <p>- Thành phố Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng, đổi mới và phát triển từ năm 1975 đến nay</p> | <p><b>Nhận biết</b></p> <p>-Nêu được những nét chính của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 1918–1939.</p> <p>-Trình bày được những nét chính về cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại địa phương.</p> <p>-Nêu được những sự kiện lịch sử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945–1954) và đế quốc Mỹ (1954–1975) của nhân dân Sài Gòn – Gia Định.</p> <p>-Kể tên được một số thành tựu nổi bật của Thành phố Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng và phát triển từ năm 1975 đến nay.</p> <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>-Giải thích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945 tại địa phương.</p> <p>-Phân tích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực</p> | 4 | 2 | 1 |  |

|                        |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |          |          |          |
|------------------------|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|----------|----------|
|                        |  |  | <p>dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>-Làm rõ được những chuyển biến nổi bật của Thành phố Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới và phát triển từ năm 1986 đến nay.</p> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <p>Liên hệ được truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn, phát huy truyền thống lịch sử và tham gia xây dựng, phát triển Thành phố hiện nay.</p> |           |          |          |          |
| <b>Tổng số câu: 16</b> |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>10</b> | <b>4</b> | <i>1</i> | <i>1</i> |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I (2026-2027)**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9**

**a) Khung ma trận**

| TT               | Chương/<br>chủ đề                       | Nội dung/đơn vị kiến thức                              | Mức độ nhận thức  |    |            |         |          |         | Tổng<br>% điểm |
|------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------|----|------------|---------|----------|---------|----------------|
|                  |                                         |                                                        | Nhận biết         |    | Thông hiểu |         | Vận dụng |         |                |
|                  |                                         |                                                        | TNKQ              | TL | TNKQ       | TL      | TNKQ     | TL      |                |
| Phân môn Lịch sử |                                         |                                                        |                   |    |            |         |          |         |                |
| 1                | THẾ GIỚI TỪ<br>NĂM 1918 ĐẾN<br>NĂM 1945 | Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến 1945               | I (2)             |    | I(2)       |         |          |         | 10%            |
|                  |                                         | Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)             | I (2); II (1a,1b) |    | II (1c,1d) |         |          |         | 15%            |
|                  | VIỆT NAM TỪ<br>NĂM 1918 ĐẾN<br>NĂM 1945 | Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 - 1930 | I(2)              |    |            | TL (1a) |          | TL (1b) | 25%            |
| Tỉ lệ            |                                         |                                                        | 20%               |    | 20%        |         | 10%      |         | 50%            |
| Phân môn Địa lí  |                                         |                                                        |                   |    |            |         |          |         |                |
| 1                | ĐỊA LÍ DÂN CƯ<br>VIỆT NAM               | Dân cư và dân tộc, chất lượng cuộc sống                | I.(2)             |    |            |         |          |         | 5%             |
|                  |                                         | Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.               | II.(2a,b,c,d)     |    | III (1)    |         |          |         | 15%            |

|                       |                                 |                    |            |  |            |  |            |              |             |
|-----------------------|---------------------------------|--------------------|------------|--|------------|--|------------|--------------|-------------|
| 2                     | <b>ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ</b> | <b>Nông nghiệp</b> | I (2)      |  | III (2)    |  |            | TL<br>(2a,b) | <b>30%</b>  |
| <b>Tỉ lệ</b>          |                                 |                    | <b>20%</b> |  | <b>10%</b> |  | <b>20%</b> |              | <b>50%</b>  |
| <b>Tổng hợp chung</b> |                                 |                    | <b>40%</b> |  | <b>30%</b> |  | <b>30%</b> |              | <b>100%</b> |

**b) Bảng đặc tả  
Phân môn Lịch sử**

| TT | Nội dung kiến thức                       | Đơn vị kiến thức                                  | Mức độ của yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá |            |          |
|----|------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------|----------|
|    |                                          |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Nhận biết                                        | Thông hiểu | Vận dụng |
| 1  | <b>THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945</b> | <b>Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến 1945</b>   | <b>Nhận biết</b><br>– Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập.<br>– Trình bày được những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921-1941).<br><b>Thông hiểu</b><br>- Phân tích được những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 – 1941) | I. (C1, C2)                                      | I.(C3,C4)  |          |
|    |                                          | <b>Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)</b> | <b>Nhận biết</b><br>– Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai.<br>- Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Chiến tranh thế giới thứ hai.<br><b>Vận dụng</b>                                                                                                      | I (C5, C6);II (1a,1b)                            | II (1c,1d) |          |

|  |                                          |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |          |         |         |
|--|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|---------|
|  |                                          |                                                         | - Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.<br>– Nhận xét được vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.<br>– Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đối với lịch sử nhân loại.                                                                                                                                               |          |         |         |
|  | <b>VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945</b> | <b>Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930</b> | <b>Nhận biết</b><br>- Biết được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930<br><b>Thông hiểu</b><br>- Giải thích vì sao sự kiện đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu, lễ truy điệu và để tang Phan Châu Trinh lại có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 – 1930?<br><b>Vận dụng</b><br>Theo em, phong trào dân tộc dân chủ từ năm 1918 đến năm 1930 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam? | I(C7,C8) | TL (1a) | TL (1b) |

#### Phân môn Địa lí

| TT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ của yêu cầu cần đạt | Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá |            |          |
|----|--------------------|------------------|----------------------------|--------------------------------------------------|------------|----------|
|    |                    |                  |                            | Nhận biết                                        | Thông hiểu | Vận dụng |

|   |                                                 |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |        |            |
|---|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------|------------|
| 1 | <b>ĐỊA LÍ<br/>DÂN<br/>CƯ<br/>VIỆT<br/>NAM</b>   | <b>Bài 1: Dân<br/>cư và dân<br/>tộc, chất<br/>lượng cuộc<br/>sống.</b>                                     | <b>Nhận biết</b><br>– Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.<br>– Trình bày được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | I (C9,C10)       |        |            |
|   |                                                 | <b>Bài 2: Phân<br/>bố dân cư<br/>và các loại<br/>hình quần<br/>cư</b>                                      | <b>Nhận biết</b><br>- Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn.<br><b>Vận dụng</b><br>- Tính Mật độ dân số của vùng và khu vực.                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | II. (2a,b,c,d)   | III(1) |            |
| 2 | <b>ĐỊA LÍ<br/>CÁC<br/>NGÀNH<br/>KINH<br/>TẾ</b> | <b>– Các nhân<br/>tố chính<br/>ảnh hưởng<br/>đến sự phát<br/>triển và<br/>phân bố<br/>nông<br/>nghiệp.</b> | <b>Nhận biết</b><br>– Nêu được các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.<br>– Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.<br>- Trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành nông nghiệp ở nước ta.<br><b>Vận dụng</b><br>- Biểu đồ cột ghép thể hiện ngành nông nghiệp nước ta.<br>- Nhận xét được tình hình phát triển ngành nông nghiệp và thủy sản hiện nay.<br>- Tính năng suất lúa và cây trồng của vùng. | I (C11,<br>C12), | III(2) | TL (2a,2b) |

